

**NGHỊ QUYẾT**

**Bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường,  
giải phóng mặt bằng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 10 (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 164/TTr-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất,  
mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc  
Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại  
biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; gồm 13 công trình, dự án, với tổng khái toán kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng là 66.497.200.000 đồng (*sáu mươi sáu tỷ, bốn trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm nghìn đồng*), tổng diện tích đất thu hồi là 14,06 ha.

*(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).*

**Điều 2.**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Khóa X, Kỳ họp thứ 10 (chuyên đề) thông qua ngày 14 tháng 10 năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (bộ phận phía Nam);
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT.TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

**Hồ Thị Cẩm Đào**



Phụ lục

**BỔ SUNG DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT, MỨC VỐN BÒI THƯỜNG,  
GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG**

*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 64 /NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha)			Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
				Diện tích	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Các loại đất khác				
<b>I</b>	<b>HUYỆN CÙ LAO DUNG</b>	<b>1,00</b>		<b>1,00</b>		<b>1,00</b>	<b>3.000,00</b>			
1	Khu tái định cư xã An Thạnh Tây	1,00		1,00		1,00	3.000,00	Ngân sách	Xã An Thạnh Tây, huyện Cù Lao Dung	Quyết định số 878/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 1791/UBND-KT ngày 12/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>II</b>	<b>HUYỆN TRẦN ĐỀ</b>	<b>2,50</b>		<b>2,50</b>	<b>2,50</b>		<b>5.843,20</b>			
1	Khu tái định cư Lịch Hội Thượng	2,50		2,50	2,50		5.843,20	Ngân sách	Thị trấn Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề	Nghị quyết số 60/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội; Nghị quyết số 91/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha)			Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
				Diện tích	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Các loại đất khác				
<b>III</b>	<b>HUYỆN MỸ TÚ</b>	<b>4,00</b>		<b>4,00</b>	<b>3,05</b>	<b>0,95</b>	<b>27.787,00</b>			
1	Khu tái định cư xã Long Hưng	1,00		1,00	0,05	0,95	4.534,00	Ngân sách	Xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú	Nghị quyết số 60/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội; Nghị quyết số 91/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ
2	Khu tái định cư xã Phú Mỹ	1,00		1,00	1,00		9.556,00	Ngân sách	Xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú	Nghị quyết số 60/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội; Nghị quyết số 91/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ
3	Khu tái định cư xã Thuận Hưng	1,00		1,00	1,00		8.814,00	Ngân sách	Xã Thuận Hưng, huyện Mỹ Tú	Nghị quyết số 60/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội; Nghị quyết số 91/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha)			Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
				Diện tích	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Các loại đất khác				
4	Khu tái định cư xã Mỹ Hương	1,00		1,00	1,00		4.883,00	Ngân sách	Xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú	Nghị quyết số 60/2022/QH15 của Quốc hội; Nghị quyết số 91/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ
<b>IV</b>	<b>HUYỆN MỸ XUYÊN</b>	<b>1,86</b>		<b>1,86</b>	<b>1,86</b>		<b>3.900,00</b>			
1	Khu tái định cư xã Tham Đôn	1,86		1,86	1,86		3.900,00	Ngân sách	Xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên	Nghị quyết số 60/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội; Nghị quyết số 91/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ
<b>V</b>	<b>HUYỆN LONG PHÚ</b>	<b>1,34</b>		<b>1,34</b>		<b>1,34</b>	<b>4.825,00</b>			
1	Công trình kiểm soát nguồn nước bờ Nam Sông Hậu	1,34		1,34		1,34	4.825,00	Ngân sách	Xã Song Phụng, huyện Long Phú	Quyết định số 1708/QĐ-BNN-XD ngày 12/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha)			Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
				Diện tích	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Các loại đất khác				
<b>VI</b>	<b>HUYỆN CHÂU THÀNH</b>	<b>0,50</b>		<b>0,50</b>	<b>0,10</b>	<b>0,40</b>	<b>1.500,00</b>			
1	Công trình kiểm soát nguồn nước bờ Nam Sông Hậu	0,50		0,50	0,10	0,40	1.500,00	Ngân sách	Thị trấn Châu Thành và xã Thuận Hòa, huyện Châu Thành	Quyết định số 1708/QĐ-BNN-XD ngày 12/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
<b>VII</b>	<b>HUYỆN KẾ SÁCH</b>	<b>7,24</b>	<b>4,70</b>	<b>2,54</b>	<b>0,50</b>	<b>2,04</b>	<b>16.992,00</b>			
1	Công trình kiểm soát nguồn nước bờ Nam Sông Hậu	4,71	2,85	1,86	0,50	1,36	12.592,00	Ngân sách	Xã Nhơn Mỹ và xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách	Quyết định số 1708/QĐ-BNN-XD ngày 12/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Xử lý sạt lở cấp bách bờ sông, bờ biển, khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (kè phòng, chống sạt lở bờ sông Rạch Vọp, tỉnh Sóc Trăng)	2,03	1,65	0,38		0,38	3.500,00	Ngân sách	Xã Trinh Phú, huyện Kế Sách	Quyết định số 1702/QĐ-BNN-XD ngày 12/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Trường Tiểu học Trinh Phú 1, huyện Kế Sách	0,50	0,20	0,30		0,30	900,00	Ngân sách	Xã Trinh Phú, huyện Kế Sách	Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất phải thu hồi (đã trừ diện tích hiện có) (ha)			Khái toán kinh phí bồi thường, GPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
				Diện tích	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Các loại đất khác				
VIII	THỊ XÃ NGÃ NĂM	0,74	0,42	0,32	0,20	0,12	2.650,00			
1	Khu tái định cư giai đoạn 1	0,74	0,42	0,32	0,20	0,12	2.650,00	Ngân sách	Phường 1, thị xã Ngã Năm	Quyết định số 179/QĐXD-UBND ngày 23/6/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm
	<b>Tổng cộng: 13 công trình, dự án</b>	<b>19,18</b>	<b>5,12</b>	<b>14,06</b>	<b>8,21</b>	<b>5,85</b>	<b>66.497,20</b>			